

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DMC
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST
Ngày 13-4-2022.
V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC, TỈNH TN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Tự;

Bà Quách Thị Yến Linh;

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát Huyện DMC, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số nhà X, tổ Y, ấp PL A, xã PM, Huyện DMC, tỉnh TN.

Bị đơn: Ông Lê Thanh A, sinh năm 1964;

Bà Phan Thị Thu H1, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Số nhà X1 đường ĐS - BC, tổ Y1, ấp LH, xã LN, Huyện DMC, tỉnh TN.

Bà H; ông A; bà H1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2021 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H trình bày:

Bà H; bà H1; ông A có mối quan hệ quen biết. Ngày 15-3-2019 âm lịch, bà H có mở dây hui loại 5.000.000 đồng/tháng do bà làm chủ thảo có 27 chân hui, bà H1 tham gia 02 chân hui, khai hui ngày 15-3-2019 âm lịch. Bà H1 hốt đầu tiên hốt 02 dây; kêu bao nhiêu bà H không nhớ, đăng bao nhiêu tiền bà H không nhớ. Sau đó đóng (góp) lại 26 lần; với số tiền là 260.000.000 đồng. Dây này bà H1 đã nộp

(góp) hội chết được 11 lần với số tiền 110.000.000 đồng; còn lại số tiền 150.000.000 đồng đến nay bà H1 chưa góp xong.

Dây hội thứ hai: Ngày 25-3-2019 âm lịch, bà H có mở dây hội loại 5.000.000 đồng/tháng do bà làm chủ thảo có 24 chân hội, bà H1 tham gia 02 chân hội, khai hội ngày 25-3-2019 âm lịch. Bà H1 kêu 1.350.000 đồng; hốt đầu 02 chân một lượt; hốt được số tiền 167.900.000 đồng; trừ thảo (cò) số tiền 4.000.000 đồng; bà H1 thực lãnh số tiền 163.900.000 đồng; bà H1 nhận tiền này tại nhà, có ký nhận cho bà H. Bà H1 đã góp cho được 10 tháng hội chết, hiện còn lại số tiền hội chết chết 13 lần với số tiền 130.000.000 đồng; bà H1 chót nợ cho bà H số tiền 280.000.000 đồng nhưng không ghi ngày tháng. Đến hiện tại bà H1 còn nợ bà H số tiền hội là 280.000.000 đồng.

Nay ra Tòa, bà H yêu cầu bà H1, ông A trả cho bà số tiền 280.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà H1 trình bày: Tại biên bản lấy lời khai, các biên bản hoà giải bà H1 thừa nhận có tham gia hội như bà H trình bày, quá trình góp hội chết có nhiều lần bà góp trễ hẹn nên bà H có đến kêu bà ghi giấy nợ hội là 280.000.000 đồng, thời điểm ghi là buổi trưa đang buồn ngủ nên ghi theo ý kiến của bà H đọc, thời gian ghi là khoảng cuối năm nhưng năm nào thì không nhớ.

Sau đó bà đòi tiền bán thức ăn gia súc nhiều chỗ và đã chuyển trả cho bà H hai lần với số tiền 160.000.000 đồng, bà H có ghi lại số tiền hội bà H1 còn nợ là 110.000.000 đồng nhưng không ghi ngày tháng năm, địa điểm ghi.

Tại tòa, bà H1 đồng ý trả cho bà H số tiền nợ hội 110.000.000 đồng.

Ông A thống nhất lời trình bày của bà H và không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 24; 27 Nghị định số: 19/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính Phủ.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H; Buộc ông A, bà H1 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hội gốc 110.000.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận số tiền 170.000.000 đồng.

Ông A, bà H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu ông A, bà H1 có nghĩa vụ trả số tiền hội 280.000.000 đồng, đây là tranh chấp hợp đồng góp hội. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Ông A, bà H1 có nơi cư trú tại số nhà X1 đường ĐS - BC, tổ Y1, ấp LH, xã LN, Huyện DMC, tỉnh TN. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15-3-2019 âm lịch, bà H1 có tham gia hội với bà H sau đó bà H1 có ghi giấy nợ cho bà H nhưng không ghi ngày tháng, đến ngày 17-3-2021 bà H khởi kiện. Căn cứ vào Điều 429 Bộ luật Dân sự, thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Về nội dung vụ án: Bà H1 thống nhất về thời gian tham gia hội như lời trình bày của bà H, bà H có cung cấp cho Tòa án chữ viết và chữ ký cùng ngày tháng năm khi tham gia 02 dây hội 5.000.000 đồng. Sau khi hốt hội xong bà H1 không có khả năng đóng (góp) hội chết hàng tháng nên bà H có yêu cầu bà H1 viết giấy nợ 280.000.000 đồng để làm tin. Đến các ngày 12 và 19 tháng 5 năm 2020, bà H1 đã chuyển cho bà H 2 lần tiền với số tiền 160.000.000 đồng.

[2.1] Chữ viết trong giấy “Tiền hội...” không đề ngày tháng năm được bà H1 thừa nhận là của bà H1, bà H cung cấp cho Tòa án nhưng không trình bày được thời gian ghi giấy “tiền hội...” không làm cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà H.

[2.2] Ông A không biết việc tham gia hội của bà H1 với bà H nhưng ông đồng ý cùng bà H1 trả nợ cho bà H. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Bà H yêu cầu ông A, bà H1 trả tiền hội 280.000.000 đồng và chỉ cung cấp cho Tòa án về giấy viết tay không đề ngày tháng năm, bà H không xác định được thời gian viết giấy nêu trên nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H.

[4] Bà H có ghi xác nhận còn nợ lại số tiền 110.000.000 đồng, hiện bà H1 còn nợ lại số tiền 110.000.000 đồng đã được bà H thừa nhận là chữ ký chữ viết của bà H. Ghi nhận bà H1 đồng ý trả cho bà H số tiền hội 110.000.000 đồng.

Bà H khởi kiện yêu cầu ông A, bà H1 về tiền hui. Việc giao dịch này phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự vì vậy ông A, bà H1 phải chịu trách nhiệm cùng trả số nợ nêu trên theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần không được chấp nhận $170.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.500.000 \text{ đồng}$.

Ông A, bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 471 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 24; Điều 27 Nghị định số: 19/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính Phủ.

Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Lê Thanh A, bà Phan Thị Thu H1.

Buộc ông Lê Thanh A, bà Phan Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền hui gốc 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng.

2. Về án phí: Ông Lê Thanh A, bà Phan Thị Thu H1 phải chịu 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H đã nộp 7.000.000 (Bảy triệu) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005650 ngày 19-3-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện DMC, tỉnh TN. Bà Nguyễn Thị Thu H còn phải nộp số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Thanh A, bà Phan Thị Thu H1 chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng ông Lê Thanh A, bà Phan Thị Thu H1 còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền lãi

đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N).

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa